

Chuyên đề 1

NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Khái quát chung về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Nhà nước và dấu hiệu đặc trưng của nhà nước

Sự phát triển của sản xuất vật chất chuyển xã hội từ cung không đủ cầu sang một giai đoạn mới: Có của cải dư thừa, tiêu dùng đã có dự trữ. Việc chiếm đoạt tài sản dự trữ đã phân hóa xã hội thành giai cấp, đối lập nhau về lợi ích. Xã hội hình thành mâu thuẫn giai cấp. Khi mâu thuẫn giai cấp phát triển đến độ không thể điều hòa được thì nhà nước ra đời. Nhà nước biểu hiện và thực hiện đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền, do đó, bản chất của nhà nước luôn mang tính giai cấp và nó phản ánh bản chất của giai cấp cầm quyền

Trong các xã hội có giai cấp (chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản) quyền lực chính trị thuộc về giai cấp thống trị hoặc liên minh giai cấp thống trị. Thông qua quyền lực chính trị, giai cấp thống trị bắt các giai cấp khác phục tùng ý chí của mình. Quyền lực chính trị như C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ, thực chất là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để đàn áp những giai cấp khác.

Nhà nước là công cụ cơ bản của quyền lực chính trị; là bộ máy quyền lực đặc biệt để trước hết cưỡng chế, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Tuy nhiên, do được hình thành từ bộ máy quản lý cộng đồng, nên nhà nước cũng đồng thời nhân danh xã hội, đại diện cho xã hội thực hiện các chức năng quản lý xã hội, phục vụ nhu cầu chung của xã hội, tương ứng với bản chất của giai cấp cầm quyền và điều kiện tồn tại của xã hội

Nhà nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, là công cụ của giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác nhằm chống lại giai cấp bóc lột và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản.

Với tư cách là một tổ chức chính trị đặc biệt, nhà nước có các dấu hiệu sau đây:

- Nhà nước được đặc trưng bởi sự hiện diện của một bộ máy quyền lực đặc biệt với chức năng quản lý và cưỡng chế. Do đó nó có quyền tối cao trong việc quyết định những vấn đề đối nội và đối ngoại.

- Xác lập chủ quyền quốc gia và phân chia dân cư theo lãnh thổ hành chính để quản lý.

- Ban hành hệ thống quy tắc xử sự chung của quốc gia để thiết lập và duy trì trật tự xã hội phù hợp lợi ích giai cấp thống trị cùng lợi ích quốc gia, đồng thời đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế.

- Quy định bằng pháp luật và thực hiện việc thu thuế bắt buộc đối với cá nhân và tổ chức trong lãnh thổ quốc gia để thiết lập nền tài chính công

Từ các đặc trưng trên của nhà nước, chúng ta có thể định nghĩa: Nhà nước là một tổ chức quyền lực chính trị gồm một bộ máy đặc biệt để thực hiện chức năng quản lý và cưỡng chế theo một trật tự pháp lý nhất định phục vụ và bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền.

b) Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tổ chức quyền lực thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Mặt khác, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chịu sự lãnh đạo và thực hiện đường lối chính trị của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trung tâm thực hiện quyền lực chính trị, là trụ cột của hệ thống chính trị, là bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội và thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại.

Quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật, Nhà nước phải có đủ quyền lực, đủ năng lực định ra pháp luật và năng lực tổ chức quản lý các mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Để Nhà nước hoàn thành nhiệm vụ quản lý xã hội bằng pháp luật, thực hiện quyền lực nhân dân, phải luôn luôn chăm lo kiện toàn các cơ quan nhà nước, với cơ cấu gọn nhẹ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả với một đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn giỏi; thường xuyên giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức sống, làm việc theo

Hiến pháp và pháp luật; có cơ chế và biện pháp ngăn ngừa tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm... của một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức; nghiêm trị những hành động gây rối, thù địch; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tổ chức xã hội, xây dựng và tham gia quản lý nhà nước.

Nhấn mạnh vai trò của nhà nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật cần thấy rằng:

Một là, toàn bộ hoạt động của cả hệ thống chính trị, kể cả sự lãnh đạo của Đảng cũng phải trong khuôn khổ của pháp luật, chống mọi hành động lộng quyền coi thường pháp luật;

Hai là, có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ giữa Nhà nước và nhân dân, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, quản lý đất nước vì lợi ích của nhân dân, chứ không phải vì các cơ quan và công chức nhà nước.

Ba là, không có sự đối lập giữa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, mà phải bảo đảm sự thống nhất để làm tăng sức mạnh lẫn nhau. Tính hiệu lực và sức mạnh của Nhà nước chính là thể hiện hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

2. Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định trong Điều 2 Hiến pháp 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001): “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”.

Bản chất của Nhà nước ta hiện nay thể hiện cụ thể bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, bao gồm các đặc trưng sau:

a) Tính giai cấp công nhân của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tính giai cấp công nhân của Nhà nước ta được quy định bởi tính tiên phong và sự lãnh đạo của giai cấp này. Tính tiên phong của giai cấp công nhân được thể hiện trong quá trình đấu tranh cách mạng, ở sự trung thành với lý tưởng cách mạng, ở khả năng nhận thức và tư tưởng đổi mới, phát triển.

Bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện bản chất của giai cấp công nhân, là giai cấp tiên tiến nhất, cách mạng nhất, phấn đấu vì lợi ích của nhân dân lao động và của toàn xã hội.

b) Tính dân tộc của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước ta là nhà nước của tất cả các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đoàn kết dân tộc. Các dân tộc anh em đều bình đẳng trước pháp luật. Mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ riêng, được Nhà nước tạo điều kiện, hỗ trợ về mọi mặt để phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội. Các chính sách xã hội thể hiện tính dân chủ, nhân đạo của nhà nước xã hội chủ nghĩa đang được triển khai thực hiện ở vùng đồng bào các dân tộc. Ngày nay, tính dân tộc đó được phát huy nhờ kết hợp với tính giai cấp, tính nhân dân và tính thời đại.

c) Tính nhân dân của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Điều 2 Hiến pháp năm 1992 quy định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức".

Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân: Nhân dân thiết lập nên Nhà nước bằng quyền bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân, sử dụng quyền lực nhà nước chủ yếu thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Ngoài ra, nhân dân còn thực hiện quyền lực nhà nước bằng các hình thức giám sát, khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện các quyết định, hành vi của các cơ quan nhà nước và các cá nhân có thẩm quyền làm thiệt hại đến quyền lợi của họ; tham gia góp ý vào các dự án chính sách, pháp luật.

Tính nhân dân không phủ nhận các biện pháp cương quyết, mạnh mẽ của Nhà nước nhằm chống lại các hành vi gây mất ổn định chính trị, vi phạm pháp luật, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân. Vì vậy, cùng với việc đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước, Nhà nước cần tăng cường bộ máy cưỡng chế để đảm bảo an ninh, an toàn cho xã hội và cho từng cá nhân con người.

d) Tính thời đại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước ta là một Nhà nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện thiết chế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Nhà nước ta hiện nay đang thực hiện

chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội. Nhà nước ta thừa nhận nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là phương tiện để đạt mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Bên cạnh việc chăm lo phát triển kinh tế, Nhà nước Việt Nam còn quan tâm đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, chú trọng phát triển giáo dục, y tế, văn hóa...

Tính thời đại của Nhà nước ta còn được thể hiện sinh động trong chính sách đối ngoại với phương châm: "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới". Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, hữu nghị, hợp tác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ của nhau.

3. Nhà nước trong hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Khái quát chung về hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị theo nghĩa rộng là khái niệm dùng để chỉ toàn bộ lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội với tư cách là một hệ thống, bao gồm các chủ thể chính trị, các quan điểm, hệ tư tưởng, các quan hệ chính trị cùng các chuẩn mực chính trị, pháp lý.

Theo nghĩa hẹp, hệ thống chính trị dùng để chỉ hệ thống các lực lượng chính trị tồn tại đồng thời trong một xã hội; vừa mâu thuẫn, vừa vận hành thống nhất như một chính thể; gồm các tổ chức chính thống thực hiện chức năng chính trị (Đảng cầm quyền, Nhà nước, các tổ chức xã hội...) và các lực lượng chính trị của giai cấp đối lập khác.

Hệ thống chính trị xuất hiện và tồn tại trong xã hội có giai cấp và Nhà nước. Quan hệ sản xuất đặc trưng cho một chế độ xã hội quy định bản chất và xu hướng vận động của hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị bị chi phối bởi đường lối chính trị của Đảng cầm quyền, do đó nó luôn phản ánh bản chất của giai cấp cầm quyền.

Trong các xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản, hệ thống chính trị hình thành và phát triển cùng với quá trình vận động của mâu thuẫn giữa các giai cấp đối kháng gắn với cuộc đấu tranh của nhân dân lao động và các lực lượng tiến

bộ chống lại chế độ xã hội đó, làm thay đổi theo hướng tiến bộ các hệ thống chính trị, hoặc thủ tiêu thay thế nó bằng một hệ thống chính trị dân chủ, tiến bộ hơn.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể thực sự của quyền lực chính trị, tự mình định đoạt quyền chính trị của mình.

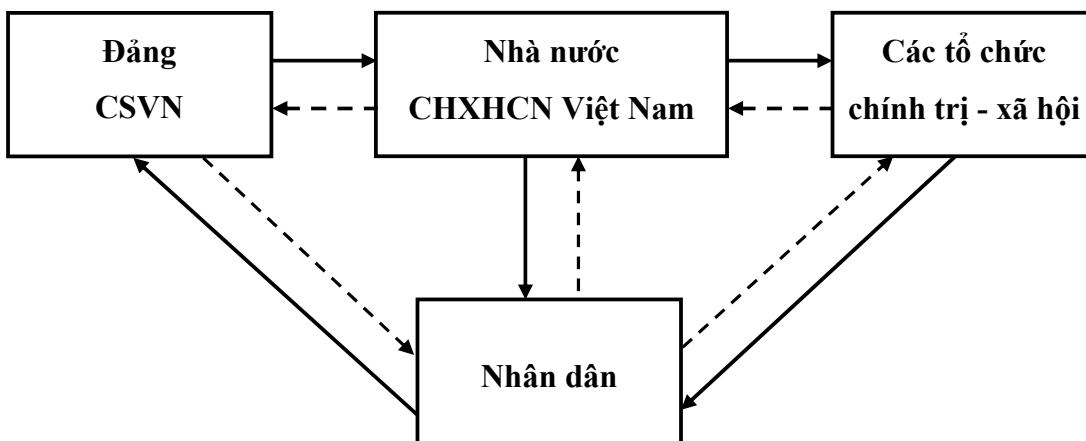
Cái căn bản nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản.

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa xét về mặt cơ cấu bao gồm Đảng Cộng sản, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa hoạt động theo một cơ chế nhất định dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự quản lý của Nhà nước nhằm thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân để xây dựng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

b) Vai trò của Nhà nước trong hệ thống chính trị

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là biểu hiện tập trung của quyền lực nhân dân và tổ chức các hoạt động để thực hiện quyền lực ấy.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiết chế trung tâm của hệ thống chính trị. Có thể khái quát quan hệ giữa các cơ cấu quyền lực chính trị ở nước ta hiện nay bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ khái quát cơ cấu quyền lực chính trị ở Việt Nam

Nhà nước xã hội chủ nghĩa có vai trò quan trọng vì nó có các điều kiện sau:

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là đại diện chính thức cho mọi giai cấp và tầng lớp trong xã hội. Điều đó tạo cho Nhà nước có cơ sở xã hội rộng rãi, có thể triển khai nhanh chóng và thực hiện có hiệu quả những quyết định, chính sách của mình.

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là chủ sở hữu đối với những tư liệu sản xuất quan trọng của xã hội và nguồn tài chính to lớn. Thông qua đó Nhà nước điều tiết vĩ mô đối với nền kinh tế, đảm bảo cho nó phát triển hài hòa vì lợi ích chung của nhân dân.

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa có một bộ máy chuyên làm chức năng quản lý. Các chức năng quản lý của Nhà nước bao trùm các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Trong quản lý xã hội, Nhà nước xã hội chủ nghĩa sử dụng pháp luật và thông qua hoạt động của các cơ quan chức năng đảm bảo cho pháp luật được thực hiện.

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa có hệ thống lực lượng vũ trang, công an, nhà tù, tòa án, là những phương tiện để Nhà nước có thể duy trì trật tự và ổn định xã hội.

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức mang chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là thuộc tính pháp lý riêng biệt của Nhà nước. Nhà nước là chủ thể của các điều ước quốc tế.

Đồng thời với việc phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước cũng phải tạo điều kiện về cơ sở vật chất và pháp lý cho các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động, thu hút các tổ chức đó tham gia vào việc quản lý các công việc của Nhà nước.

II. CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo

Hệ thống chính trị Việt Nam là hệ thống chính trị nhất nguyên, trong đó chỉ tồn tại một đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, giữ vai trò lãnh đạo toàn dân, toàn diện bao gồm chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao.

Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo giữ vững bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, giữ vai trò quyết định trong việc xác định phương hướng tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Đó là điều kiện tiên quyết đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia quản lý các công việc của Nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

- Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách định hướng cho quá trình tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Đảng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng những đảng viên có phẩm chất, năng lực và giới thiệu họ vào đảm nhận các chức vụ trong bộ máy nhà nước thông qua con đường bầu cử dân chủ.

- Đảng kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

- Các đảng viên và các tổ chức của Đảng gương mẫu trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không làm thay các công việc của Nhà nước mà phải phân định rạch ròi công việc lãnh đạo của Đảng với việc quản lý của Nhà nước.

Nguyên tắc này đòi hỏi trong tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước, các cơ quan nhà nước một mặt phải thừa nhận và chịu sự lãnh đạo của Đảng, mặt khác phải có trách nhiệm đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào thực tiễn đời sống xã hội và đảm bảo sự kiểm tra, giám sát của Đảng.

2. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước là công cụ thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Vì vậy, trong hoạt động của mình Nhà nước phải đảm bảo sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước. Nguyên tắc này đòi hỏi: *Thứ nhất*, tăng cường và mở rộng sự tham gia trực tiếp của nhân dân vào việc giải quyết các công việc của Nhà nước. *Thứ hai*, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan đại diện để

các cơ quan này thực sự đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. *Thứ ba*, các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm tạo ra cơ sở pháp lý và các điều kiện tài chính, vật chất cho các tổ chức xã hội hoạt động; định ra những hình thức và biện pháp để thu hút sự tham gia của các tổ chức xã hội và nhân dân vào các hoạt động của Nhà nước.

3. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc cơ bản áp dụng cho tất cả các cơ quan nhà nước, được quy định tại Điều 6 Hiến pháp năm 1992: "Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ".

Nguyên tắc này xuất phát từ hai yêu cầu khách quan của quản lý, đó là: đảm bảo tính thống nhất của hệ thống lớn (quốc gia, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận) và đảm bảo sự phù hợp với đặc thù của hệ thống con lệ thuộc (từng ngành, từng địa phương, từng cơ quan, đơn vị, bộ phận, cá nhân). Nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của cơ quan nhà nước cấp trên với việc mở rộng dân chủ để phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp dưới nhằm đạt hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Tập trung trong các cơ quan nhà nước được thể hiện trên các nội dung sau: (1) bộ máy nhà nước được tổ chức theo hệ thống thứ bậc từ Trung ương đến các địa phương; (2) thống nhất chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; (3) thống nhất các quy chế quản lý; (4) thực hiện chế độ một thủ trưởng hoặc trách nhiệm cá nhân người đứng đầu ở tất cả các cấp, đơn vị.

Dân chủ trong các cơ quan nhà nước là sự phát huy trí tuệ của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và các cá nhân, tổ chức vào hoạt động quản lý nhà nước. Tính dân chủ được thể hiện cụ thể ở các nội dung sau: (1) cấp dưới được tham gia thảo luận, góp ý kiến về những vấn đề trong quản lý; (2) cấp dưới được chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước cấp trên về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Hai nội dung tập trung và dân chủ liên quan mật thiết với nhau, tác động bổ trợ cho nhau. Tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ trong khuôn khổ tập trung. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi sự kết hợp hài hòa hai nội

dung này để tạo ra sự nhất trí giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo, giữa người chỉ huy và người thừa hành.

4. Nguyên tắc huy động quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước

Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, là lực lượng quyết định trong quá trình cải biến xã hội. Vai trò quyết định của nhân dân thể hiện trên các mặt chủ yếu sau đây:

- Nhân dân là lực lượng cơ bản sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần, góp phần vào sự tồn tại và phát triển của xã hội.

- Nhân dân là chủ thể của mọi quá trình cải biến xã hội.

- Lợi ích của nhân dân là động lực cơ bản của cách mạng xã hội, của những quá trình cải biến xã hội.

Trên phương diện quyền lực chính trị, nhân dân vừa là chủ thể, vừa là khách thể của quyền lực chính trị.

Sự tham gia của nhân dân vào các công việc của Nhà nước vừa với tư cách từng cá nhân, các nhóm cộng đồng, vừa thông qua những tổ chức, cơ quan mà họ là những thành viên với nhiều phương thức khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhân dân tham gia quản lý nhà nước với nhiều hình thức như: trực tiếp tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước, bầu cử đại biểu của mình vào các cơ quan nhà nước, tham gia trưng cầu dân ý, thảo luận các dự án luật và các chính sách, quyết định của Nhà nước, tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan và công chức nhà nước... Những hình thức tham gia quản lý các công việc nhà nước của nhân dân được quy định cụ thể tại Điều 11, Điều 53 Hiến pháp năm 1992.

5. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc hiến định, là nội dung quan trọng nhất của việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Điều 12 Hiến pháp năm 1992 ghi: "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa".

Nguyên tắc này đòi hỏi tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước phải triệt để tôn trọng pháp luật của Nhà nước. Nguyên tắc này không cho phép

các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý nhà nước một cách chủ quan, tùy tiện mà phải dựa vào pháp luật, làm đúng pháp luật, cụ thể:

- Các cơ quan nhà nước phải chịu sự giám sát của công dân và của xã hội.
- Tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước phải trong phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định, không vượt quyền.
- Hoạt động quản lý nhà nước phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.
- Các quyết định quản lý nhà nước được ban hành đúng luật.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

Thực hiện tốt nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là cơ sở đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, đảm bảo công bằng xã hội.

6. Nguyên tắc công khai, minh bạch

Trong xã hội ta, với Nhà nước pháp quyền "của dân, do dân và vì dân", tất cả những thông tin trong quản lý của các cơ quan nhà nước phải được công khai cho người dân biết trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia và đảm bảo quy định của pháp luật.

Tính minh bạch trong hoạt động quản lý là hết sức cần thiết và là nguồn sức mạnh của bộ máy công quyền. Minh bạch trước hết là nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước; là một giải pháp rất quan trọng để khắc phục tệ quan liêu tham nhũng. Minh bạch cũng là điều kiện không thể thiếu để bộ máy nhà nước tiếp thu trí tuệ của dân đóng góp cho các hoạt động quản lý. Minh bạch cũng là một yêu cầu cần thiết để thành công trong hội nhập quốc tế.

Tính minh bạch luôn gắn với công khai. Muốn công khai thì phải minh bạch và minh bạch là cơ sở, là nền tảng để thực hiện công khai. Nguyên tắc này đòi hỏi các cơ quan nhà nước khi xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật phải tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo công bằng, dân chủ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài các nguyên tắc cơ bản trên, bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn được tổ chức và hoạt động theo một số nguyên tắc khác, như nguyên tắc kế hoạch hóa, nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc...

III. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Khái niệm bộ máy nhà nước

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung thống nhất tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

2. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước

a) Cơ quan quyền lực nhà nước

*** Quốc hội**

Vị trí của Quốc hội trong bộ máy nhà nước được ghi nhận trong Hiến pháp. Điều 83 Hiến pháp 1992: "Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội có các chức năng sau:

- Lập hiến và lập pháp. Lập hiến là làm ra Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, lập pháp là làm ra Luật và sửa đổi Luật.

- Quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

- Thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội có Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội: Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Tư pháp; Ủy ban Kinh tế; Ủy ban Tài chính và Ngân sách; Ủy ban Quốc phòng và An ninh; Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng; Ủy ban Về các vấn đề xã hội; Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Ủy ban Đối ngoại.

*** Hội đồng nhân dân**

Điều 1 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2003 có ghi: "Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên".

- Hội đồng nhân dân quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng và phát triển địa phương.

- Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.

- Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Hiến pháp, luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa và chống các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm và các biểu hiện tiêu cực khác của cán bộ, công chức và trong bộ máy chính quyền địa phương.

- Hội đồng nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính sau đây:

- + Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh);
- + Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện);
- + Xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

b) Chủ tịch nước

Trong bộ máy nhà nước, Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Chủ tịch nước có quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Khi cần thiết, Chủ tịch nước có quyền tham dự các phiên họp của Chính phủ. Chủ tịch nước có quyền đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày kể từ ngày pháp lệnh được thông qua; nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí, thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất.

Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ.

Chủ tịch nước công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh. Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, Chủ tịch nước có thể ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

Chủ tịch nước thông lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh; quyết định phong hàm cấp sỹ quan cấp cao trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp đại sứ, những hàm, cấp nhà nước trong các lĩnh vực khác; quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng nhà nước và danh hiệu vinh dự nhà nước; cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam; tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; tiến hành đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh nhà nước với người đứng đầu nhà nước khác; trình Quốc hội phê chuẩn điều ước quốc tế đã trực tiếp ký; quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập điều ước quốc tế, trừ trường hợp cần trình Quốc hội quyết định. Để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chủ tịch nước ban hành lệnh, quyết định....

Phó Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Phó Chủ tịch nước giúp Chủ tịch nước làm nhiệm vụ và có thể được Chủ tịch nước ủy nhiệm thay Chủ tịch làm một số nhiệm vụ.

c) Cơ quan hành chính nhà nước

*** Chính phủ**

Địa vị của Chính phủ được xác lập trên cơ sở quy định tại Hiến pháp 1992 và Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001.

Theo Điều 109 Hiến pháp 1992 "Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Với vị trí như vậy, Chính phủ có hai tư cách: *thứ nhất*, với tư cách là cơ quan chấp hành của Quốc hội, Chính phủ phải chấp hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật đó; *thứ hai*, với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ có toàn quyền giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trừ những vấn đề thuộc quyền giải quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước.

Với vị trí là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước. Chính phủ chỉ đạo tập trung, thống nhất các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương.

Chính phủ được lập ra trong kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội. Trong kỳ họp này Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước và phê chuẩn các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ chịu sự giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong các kỳ họp của Quốc hội, Thủ tướng và các thành viên của Chính phủ phải trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Chính phủ bao gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ. Trong các Bộ có các Tổng cục, Cục, Vụ, phòng, ban.

Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương có Ủy ban nhân dân các cấp: tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; các quận/huyện/thành phố/thị xã/thị trấn trực thuộc tỉnh; các xã/phường.

* Ủy ban nhân dân

Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan nhà nước cấp trên.

Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở.

Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và thực hiện các chính sách khác trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân cấp dưới chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp trên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo của Chính phủ.

Hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân được bảo đảm bằng hiệu quả hoạt động của tập thể Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân và của các cơ quan chuyên môn

d) Tòa án nhân dân

Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Hệ thống tòa án nhân dân gồm có:

- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Các Tòa án quân sự;
- Các Tòa án khác do luật định.

Trong tình hình đặc biệt, Quốc hội có thể quyết định thành lập Tòa án đặc biệt.

Tòa án Nhân dân Tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền giám đốc việc xét xử của Tòa án nhân dân địa phương và các Tòa án Quân sự, giám đốc việc xét xử của Tòa án đặc biệt và các tòa án khác, trừ trường hợp Quốc hội quy định khác khi thành lập tòa án đó. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án Nhân dân Tối cao được quy định tại Điều 19, 20 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, năm 2002.

e) Viện Kiểm sát nhân dân

Trong bộ máy nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan có những đặc điểm, đặc thù so với các cơ quan khác của Nhà nước. Viện Kiểm sát nhân dân được tổ chức thành một hệ thống thống nhất, làm việc theo chế độ thủ trưởng. Viện Kiểm sát do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện Kiểm sát

nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên. Các Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân và Viện trưởng Viện Kiểm sát Quân sự chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

Viện trưởng, Phó Viện trưởng, các kiểm sát viên ở địa phương và kiểm sát quân sự do Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

Hệ thống Viện Kiểm sát nhân dân gồm có:

- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Các Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Viện Kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Các Viện Kiểm sát Quân sự.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Viện Kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện Kiểm sát Quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Anh/Chị hãy trình bày bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam? Phân tích tính nhân dân của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

2. Anh/Chị hãy trình bày vị trí, vai trò và mối quan hệ của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay?

3. Anh/Chị hãy nêu các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam? Phân tích nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

4. Anh/Chị hãy trình bày tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua đó đề xuất ý kiến về đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt

động của bộ máy nhà nước nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995.
3. Luật Tổ chức Quốc hội sửa đổi năm 2007.
4. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001.
5. Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003.
6. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002.
7. Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2002.